

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HSG: HOSE)

Ngày báo cáo: 15/08/2025
Ngành: THÉP
TPPT: Nguyễn Hoàng Giang, CFA
Email: giangnh@ssi.com.vn
SĐT: +84-24 3936 6321

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**
Giá mục tiêu 1Y: **21.600 Đồng**
Giá CP ngày 14/08/2025: 19.450 Đồng
% Tăng giá: **+11,1%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 461
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 12.078
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 621
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 10.480.326
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 20,7/12,5
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 185,3
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 9,5
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0,0

Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

CTCP tập đoàn Hoa Sen (HSG) sản xuất tôn mạ (chiếm 56% doanh thu 2015), thép dày mạ kẽm và ống thép (42%), và ống nhựa (2%). Trong các công ty thép, HSG có mạng lưới bán hàng và thương hiệu mạnh nhất. Năm 2014, công ty chiếm 37% thị phần tôn mạ (xếp thứ nhất) và 18% thị phần ống thép (xếp thứ 2) tại Việt Nam.

Cập nhật KQKD Q3/NĐTC 2025: Vượt qua thách thức

Tóm tắt đầu tư

Trong quý 3 niên độ tài chính (NĐTC) 2025, HSG ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 9,5 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 12,5% so với quý trước, mặc dù giảm 12,3% svck do sản lượng xuất khẩu sụt giảm bởi các biện pháp thuế chống bán phá giá tại các thị trường xuất khẩu chủ lực. Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ (NPATMI) trong Q2/NĐTC 2025 đạt 274 tỷ đồng, đi ngang svck và tăng 173% so với quý trước, nhờ xu hướng giá bán bình quân ổn định và chi phí đầu vào thấp hơn.

Đáng chú ý, biên lợi nhuận của HSG cải thiện trong Q3/NĐTC 2025, đạt 12,8%, tăng 0,5 điểm phần trăm so với Q3/NĐTC 2024 và cao hơn 2 điểm phần trăm so với biên lợi nhuận gộp năm 2024. Động lực thúc đẩy tăng trưởng biên lợi nhuận đến từ giá bán bình quân tăng và chi phí đầu vào giảm.

Chúng tôi tăng dự báo cho năm 2025-2026. Cụ thể, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2025 sẽ tăng lên 750 tỷ đồng (từ mức 701 tỷ đồng), tăng 47% svck. LNST năm 2026 cũng được điều chỉnh lên 834 tỷ đồng, tăng 11% svck (từ mức 782 tỷ đồng). Điều này tương đương với LNST Q4/NĐTC 2025 ước tính đạt 103 tỷ đồng, đảo chiều so với khoản lỗ 181 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2024.

Duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP. Chúng tôi tăng giá mục tiêu cổ phiếu HSG năm 2026 lên 21.600 đồng/cổ phiếu dựa trên kết hợp giữa các hệ số P/E và EV/EBITDA, và khuyến nghị mua khi giá cổ phiếu có sự điều chỉnh giảm.

Yếu tố hỗ trợ trong ngắn hạn: Công bố chính thức về biện pháp chống bán phá giá đối với tôn mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc (AD19).

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	48.727	49.711	31.651	39.272	39.448	41.622
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>77,0%</i>	<i>2,0%</i>	<i>-36,3%</i>	<i>24,1%</i>	<i>0,4%</i>	<i>5,5%</i>
Lợi nhuận gộp	8.873	4.939	3.058	4.253	4.680	4.992
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>18,2%</i>	<i>9,9%</i>	<i>9,7%</i>	<i>10,8%</i>	<i>11,9%</i>	<i>12,0%</i>
Thu nhập tài chính	366	267	233	342	316	333
Chi phí tài chính	-552	-521	-314	-254	-256	-269
SG&A	-3.770	-4.355	-2.875	-3.840	-3.850	-4.062
Thu nhập ròng khác	-2	51	50	41	47	50
Lợi nhuận trước thuế	4.915	381	152	541	938	1.043
Lợi nhuận ròng	4.313	251	28	510	750	835
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	<i>274,1%</i>	<i>-94,2%</i>	<i>-88,7%</i>	<i>1697,9%</i>	<i>47,1%</i>	<i>11,3%</i>
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>8,9%</i>	<i>0,5%</i>	<i>0,1%</i>	<i>1,3%</i>	<i>1,9%</i>	<i>2,0%</i>
EPS (VND)	8.741	420	46	828	1.218	1.355

Nguồn: HSG, SSI Research

Cập nhật KQKD Q3/NĐTC 2025

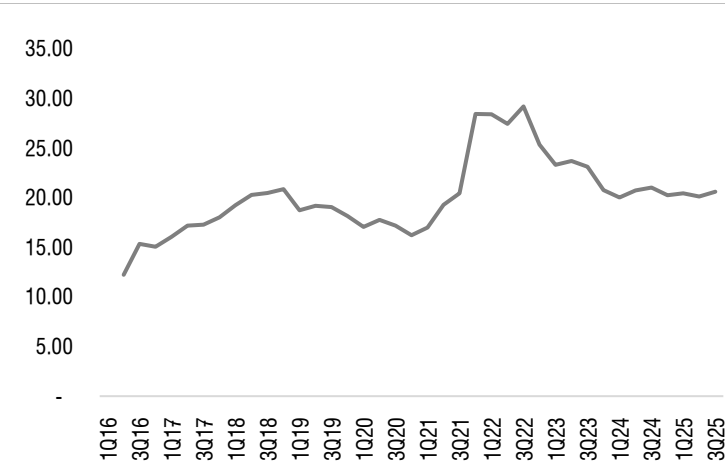
Tỷ đồng	3Q25	3Q24	YoY	2Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q25	3Q24	2Q25	2024
Doanh thu thuần	9.509	10.840	-12,3%	8.450	12,5%	74%				
Lợi nhuận gộp	1.213	1.337	-9,3%	1.077	12,7%		12,8%	12,3%	12,7%	10,8%
Lợi nhuận hoạt động	297	311	-4,7%	266	11,4%		3,1%	2,9%	3,1%	1,6%
EBIT	333	327	1,9%	276	20,7%		3,5%	3,0%	3,3%	1,7%
EBITDA	333	567	-41,3%	48	592,7%		3,5%	5,2%	0,6%	4,2%
Lợi nhuận trước thuế	290	287	1,1%	230	26,5%		3,1%	2,6%	2,7%	1,4%
Lợi nhuận ròng	274	273	0,1%	100	173,8%	129%	2,9%	2,5%	1,2%	1,3%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	274	273	0,1%	100	173,8%		2,9%	2,5%	1,2%	1,3%

Nguồn: SSI Research *NĐTC 2025 của HSG bắt đầu từ tháng 10/2024 và kết thúc vào tháng 9/2025.

Trong Q3/NĐTC 2025, HSG ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 9,5 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 12,5% so với quý trước, mặc dù giảm 12,3% svck do sản lượng xuất khẩu sụt giảm bởi các mức thuế chống bán phá giá tại các thị trường xuất khẩu chủ lực. Lợi nhuận ròng có diễn biến tích cực hơn, với NPATMI trong Q2/NĐTC 2025 đạt 274 tỷ đồng, đi ngang svck và tăng 173% so với quý trước, nhờ xu hướng giá bán bình quân ổn định và chi phí đầu vào giảm. Lũy kế 9 tháng đầu NĐTC 2025, công ty đã hoàn thành 74% kế hoạch doanh thu và 129% kế hoạch LNST NĐTC 2025.

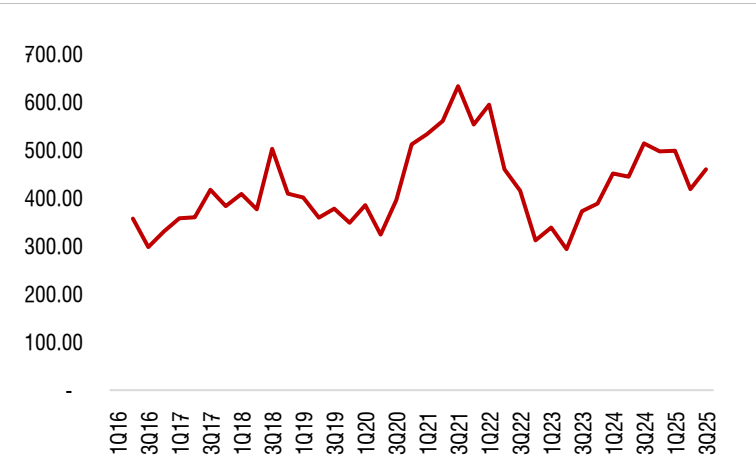
Theo dữ liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), trong Q3/NĐTC 2025, HSG đã bán 461 nghìn tấn sản phẩm thép, giảm 10% svck nhưng tăng 10% so với quý trước. Sản lượng ống thép vẫn tăng 8,7% svck và 12% so với quý trước nhờ nhu cầu nội địa ổn định và không phụ thuộc vào xuất khẩu. Tuy nhiên, sản lượng tôn mạ giảm 15,3% svck do có tỷ trọng xuất khẩu lớn nên đã bị ảnh hưởng bởi thuế Mục 232 của Mỹ và các mức thuế từ thị trường khác. Vào tháng 4/2025, Việt Nam đã áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với tôn mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc (AD19), từ đó hỗ trợ sản lượng tiêu thụ tôn mạ trong nước. Theo dữ liệu toàn ngành thép, tổng sản lượng tôn mạ Q3/NĐTC 2025 giảm 11,9% svck, nhưng sản lượng tiêu thụ tôn mạ trong nước lại tăng 24,3% svck. Nếu AD19 chính thức được ban hành, đây sẽ là yếu tố hỗ trợ dài hạn tích cực cho các nhà sản xuất tôn mạ trong nước như HSG. Tổng sản lượng thép dẹt thành phẩm tiêu thụ trong nước (bao gồm tôn mạ và ống thép) đạt 1,4 triệu tấn, tăng 20,4% svck.

Biểu đồ: Giá bán bình quân theo quý (triệu đồng/tấn)



Nguồn: SSI Research, HSG

Biểu đồ: Sản lượng theo quý (nghìn tấn)



Nguồn: SSI Research, HSG

Đáng chú ý, biên lợi nhuận của HSG cải thiện trong Q3/NĐTC 2025, với biên lợi nhuận gộp đạt 12,8%, tăng 0,5 điểm phần trăm so với Q3/NĐTC 2024 và 2 điểm phần trăm so với năm 2024. Theo HSG, động lực thúc đẩy biên lợi nhuận mở rộng đến từ:

- Chi phí đầu vào giảm: Giá HRC giảm 9% svck và đi ngang so với quý trước
- Giá bán bình quân cải thiện: Giá bán bình quân cải thiện 3% so với quý trước (mặc dù giảm 2% svck), có thể nhờ việc áp thuế AD19.

Tính đến cuối Q3/NĐTC 2025, HSG tiếp tục mở rộng chuỗi cửa hàng bán lẻ nội thất và vật liệu xây dựng Hoa Sen Home lên 124 cửa hàng. Mạng này hiện chỉ chiếm khoảng 7% doanh thu và đóng góp chưa đáng kể vào lợi nhuận công ty, nhưng dự kiến sẽ tiếp tục được mở rộng (đạt 165 cửa hàng vào năm 2026 và 300 cửa hàng vào năm 2030), trở thành chiến lược tăng trưởng dài hạn của HSG.

Triển vọng và dự báo năm 2025 - 2026

Dựa trên sự cải thiện gần đây của giá bán bình quân nhờ AD19 hỗ trợ sản phẩm nội địa và việc tiếp tục thực hiện các chính sách nới lỏng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chúng tôi kỳ vọng nhu cầu trong nước đối với tôn mạ và ống thép sẽ duy trì ổn định trong nửa cuối năm 2025. Do đó, chúng tôi tăng giả định giá bán bình quân NĐTC 2025–2026 lên 20,6 triệu đồng/tấn (từ mức 20,5 triệu đồng/tấn trước đó) để phản ánh điều kiện thuận lợi này. Tuy nhiên, chúng tôi không kỳ vọng triển vọng giá bán bình quân sẽ tích cực trong dài hạn, do tình trạng dư cung trong nước đối với tôn mạ.

Giá HRC tại Trung Quốc đã bắt đầu có xu hướng tăng từ tháng 7/2025. Điều này dự kiến sẽ gây áp lực nhẹ lên biên lợi nhuận nếu xu hướng này kéo dài. Tuy nhiên chúng tôi giữ nguyên giả định về giá HRC.

Do đó, chúng tôi tăng nhẹ dự báo năm 2025 – 2026. Cụ thể, chúng tôi kỳ vọng LNST năm 2025 cải thiện lên 750 tỷ đồng (từ 701 tỷ đồng), +47% svck. LNST năm 2026 cũng được điều chỉnh tăng lên 834 tỷ đồng, +11% svck (từ 782 tỷ đồng). Điều này tương đương với LNST Q4/NĐTC 2025 ước tính đạt 103 tỷ đồng, đảo chiều từ khoản lỗ 181 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2024.

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	48.727	49.711	31.651	39.272	39.448	41.622
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>77,0%</i>	<i>2,0%</i>	<i>-36,3%</i>	<i>24,1%</i>	<i>0,4%</i>	<i>5,5%</i>
Lợi nhuận gộp	8.873	4.939	3.058	4.253	4.680	4.992
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>18,2%</i>	<i>9,9%</i>	<i>9,7%</i>	<i>10,8%</i>	<i>11,9%</i>	<i>12,0%</i>
Thu nhập tài chính	366	267	233	342	316	333
Chi phí tài chính	-552	-521	-314	-254	-256	-269
SG&A	-3.770	-4.355	-2.875	-3.840	-3.850	-4.062
Thu nhập ròng khác	-2	51	50	41	47	50
Lợi nhuận trước thuế	4.915	381	152	541	938	1.043
Lợi nhuận ròng	4.313	251	28	510	750	835
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	<i>274,1%</i>	<i>-94,2%</i>	<i>-88,7%</i>	<i>1697,9%</i>	<i>47,1%</i>	<i>11,3%</i>
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>8,9%</i>	<i>0,5%</i>	<i>0,1%</i>	<i>1,3%</i>	<i>1,9%</i>	<i>2,0%</i>
EPS (VND)	8.741	420	46	828	1.218	1.355

Nguồn: SSI Research, HSG

Luận điểm đầu tư

Tại mức giá hiện nay, HSG đang giao dịch với hệ số P/E dự phóng NĐTC 2025 - 2026 lần lượt là 15,3x và 13,8x, mức khá cao đối với nhóm doanh nghiệp sản xuất thép. Chúng tôi chuyển định giá sang cuối năm 2026 và tăng giá mục tiêu của HSG lên 21.600 đồng/cổ phiếu, dựa trên sự kết hợp giữa các hệ số P/E và EV/EBITDA. Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với HSG, và khuyến nghị cơ hội tích lũy cổ phiếu khi giá cổ phiếu điều chỉnh giảm.

Triển vọng 3 – 6 tháng: Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng thông báo chính thức về AD19 sẽ được ban hành với mức thuê cuối cùng không đổi, từ đó hỗ trợ giá cổ phiếu của các doanh nghiệp tôn mạ.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	597	602	1.332	2.065
+ Đầu tư ngắn hạn	26	30	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.328	2.986	2.690	2.839
+ Hàng tồn kho	7.613	9.704	8.727	9.194
+ Tài sản ngắn hạn khác	701	844	835	881
Tổng tài sản ngắn hạn	11.265	14.166	13.584	14.980
+ Các khoản phải thu dài hạn	143	215	217	229
+ GTCL Tài sản cố định	5.020	4.111	3.624	3.103
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	530	664	664	664
+ Đầu tư dài hạn	1	1	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	389	407	389	410
Tổng tài sản dài hạn	6.083	5.397	4.893	4.406
Tổng tài sản	17.347	19.563	18.478	19.385
+ Nợ ngắn hạn	6.553	8.633	7.106	7.487
Trong đó: vay ngắn hạn	2.936	5.364	3.824	4.029
+ Nợ dài hạn	16	16	16	16
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	6.569	8.649	7.122	7.503
+ Vốn góp	6.160	6.160	6.160	6.160
+ Thặng dư vốn cổ phần	157	157	157	157
+ Lợi nhuận chưa phân phối	4.367	4.528	4.970	5.497
+ Quỹ khác	94	67	67	67
Vốn chủ sở hữu	10.778	10.912	11.355	11.881
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	17.347	19.562	18.477	19.384
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.866	-1.418	3.077	1.337
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-350	-721	-499	-500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-1.251	2.142	-1.848	-103
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	265	4	730	733
Tiền đầu kỳ	330	597	602	1.332
Tiền cuối kỳ	597	602	1.332	2.065
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,72	1,64	1,91	2,00
Hệ số thanh toán nhanh	0,45	0,42	0,57	0,66
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,10	0,07	0,19	0,28
Nợ ròng / EBITDA	2,10	2,13	1,75	1,01
Khả năng thanh toán lãi vay	1,78	5,07	8,01	8,40
Ngày phải thu	17,5	19,2	21,1	20,7
Ngày phải trả	25,1	27,2	24,4	23,8
Ngày tồn kho	95,7	90,2	96,7	89,3
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,62	0,56	0,61	0,61
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,38	0,44	0,39	0,39
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,61	0,79	0,63	0,63
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,49	0,34	0,34
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,49	0,34	0,34

Nguồn: HSG, SSI dự báo

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	31.651	39.272	39.448	41.622
Giá vốn hàng bán	-28.593	-35.018	-34.767	-36.630
Lợi nhuận gộp	3.058	4.253	4.680	4.992
Doanh thu hoạt động tài chính	233	342	316	333
Chi phí tài chính	-314	-254	-256	-269
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-2.477	-3.345	-3.353	-3.538
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-398	-496	-497	-524
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	102	500	890	994
Thu nhập khác	50	41	47	50
Lợi nhuận trước thuế	152	541	938	1.043
Lợi nhuận ròng	28	510	750	835
Lợi nhuận chia cho cổ đông	28	510	750	835
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	46	828	1.218	1.355
Giá trị sổ sách (VND)	17.472	17.689	18.407	19.262
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	500	500	500	500
EBIT	347	674	1.072	1.185
EBITDA	1.478	1.664	2.059	2.205
Tăng trưởng				
Doanh thu	-36,3%	24,1%	0,4%	5,5%
EBITDA	-17,9%	12,6%	23,7%	7,1%
EBIT	-45,8%	94,1%	59,0%	10,5%
Lợi nhuận ròng	-88,7%	1697,9%	47,1%	11,3%
Vốn chủ sở hữu	-1,0%	1,2%	4,1%	4,6%
Vốn điều lệ	3,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	1,9%	12,8%	-5,5%	4,9%
Định giá				
P/E	435,0	33,7	16,3	14,6
P/B	1,1	1,6	1,1	1,0
Giá/Doanh thu	0,4	0,4	0,3	0,3
Tỷ suất cổ tức	2,5%	1,8%	2,5%	2,5%
EV/EBITDA	9,9	13,2	7,1	6,7
EV/Doanh thu	0,5	0,6	0,4	0,4
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,7%	10,8%	11,9%	12,0%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	0,9%	1,6%	2,6%	2,7%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,1%	1,3%	1,9%	2,0%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	7,8%	8,5%	8,5%	8,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,3%	1,3%	1,3%	1,3%
ROE	0,3%	4,7%	6,7%	7,2%
ROA	0,2%	2,8%	3,9%	4,4%
ROIC	0,5%	4,2%	5,5%	6,1%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Thép

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321